

# MỘT SỐ BIỂU HIỆN VÀ ĐỘNG LỰC CHÍNH PHÁT TRIỂN XU THẾ TOÀN CẦU HÓA KINH TẾ

TRẦN CAO THÀNH\*

I. Thế giới vận động có nhiều thay đổi trong môi trường quốc tế mới. Chiến tranh lạnh kết thúc (1991), Mỹ trở thành siêu cường số một về quân sự và kinh tế, tiếp tục đẩy mạnh chính sách chủ nghĩa đơn phương nhằm bá quyền một cực do Mỹ đóng vai trò chủ đạo. Đồng thời trên phạm vi toàn cầu, đấu tranh để thiết lập trật tự thế giới mới vẫn tiếp diễn, thể hiện hợp tác và cạnh tranh đan xen trong quan hệ quốc tế. Tuy hoà bình giảm đối kháng quân sự vũ trang là cơ bản, nhưng chiến tranh cục bộ và xung đột, đặc biệt là hành động khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới.

Toàn cầu hoá kinh tế quốc tế đang diễn tiến sâu rộng nhanh mạnh, tác động đến mọi quốc gia và hầu hết các lĩnh vực của đời sống; đồng thời với xu hướng phát triển liên kết và mở rộng biên độ hợp tác khu vực nhiều cấp độ. Các nước phát triển nắm sức mạnh kinh tế, có ảnh hưởng chính trị đối trọng trên

phạm vi thế giới. Các nước đang phát triển cố gắng nội lực, ứng phó và chủ động hội nhập vào nền kinh tế thế giới đang vận động biến đổi chịu tác động chi phối của chủ nghĩa tư bản hiện đại; với các chiều hướng không đồng nhất và những diễn biến phức tạp khó lường. Trong tiến triển của kinh tế thị trường theo xu hướng tự do hoá, các chủ thể quan hệ quốc tế nỗ lực hội nhập kinh tế quốc tế. Xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu vừa có ý nghĩa tích cực, vừa có hệ quả không tích cực đang phát triển mạnh, với "làn sóng mới" của toàn cầu hoá.

Trong bối cảnh mới, chiến lược phát triển và quan hệ quốc tế của mọi quốc gia nhằm tập trung vào phát triển kinh tế, tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế song phương và đa phương. Môi trường kinh tế thế giới vừa hợp tác vừa đấu tranh và cạnh tranh sâu rộng hơn, gay gắt hơn. An ninh và phát triển của các quốc gia cũng phải đối mặt với nhiều

---

\* TS. Trần Cao Thành, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

vấn đề thách thức nguy cơ, bao gồm cả khả năng tụt hậu bị gạt ra ngoài xu thế phát triển hội nhập và chủ nghĩa khủng bố với nhiều hình thức. Tổng hoà các mối quan hệ tác động toàn diện ổn định trong các lĩnh vực: kinh tế, chính trị - tư tưởng, quốc phòng, khoa học - công nghệ, tài nguyên - môi trường, văn hoá - xã hội và an sinh con người là điều kiện cần cho an ninh phát triển.

Quan hệ giữa các nước trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế có hợp tác, có đấu tranh cạnh tranh cùng tồn tại. Nhu cầu phát triển nhanh bền vững, bảo đảm an ninh toàn diện là thách thức gắt gao. Quan hệ tuỳ thuộc giữa các quốc gia, giữa các nền kinh tế không tách rời xu hướng phụ thuộc lẫn nhau để hợp tác và thu hẹp khoảng cách, hạn chế sự tách biệt khép kín; Đặc biệt trong phối hợp chia sẻ trách nhiệm giải quyết những vấn đề chung mang tính toàn cầu và khu vực.

Do vậy, diện mạo toàn cầu hoá trong thế giới đương đại có nội hàm rộng và toàn diện hơn, không chỉ là toàn cầu hoá kinh tế. Toàn cầu hoá “đang hình thành nên một kỷ nguyên mới của sự tương tác giữa các quốc gia, giữa các nền kinh tế và giữa những con người với nhau. Toàn cầu hoá đang phát triển những mối liên hệ giữa mọi người ở các quốc gia khác nhau trong lĩnh vực kinh tế, công nghệ, văn hoá và trong quản lý. Nhưng toàn cầu hoá cũng phân đoạn các quá trình sản xuất, các thị trường lao động, các thực thể chính trị và xã hội. Như vậy, trong khi toàn cầu hoá có

những khía cạnh tích cực, đổi mới năng động thì nó cũng chứa đựng những khía cạnh tiêu cực, mang tính huỷ hoại và loại bỏ”<sup>(1)</sup>.

II. Từ nửa cuối những năm 70 của thế kỷ XX, trong xu hướng kinh tế thế giới điều chỉnh phát triển theo chiều sâu, đẩy nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật, các nước tư bản chạy đua sáng chế và áp dụng thành tựu khoa học - công nghệ, đã cải tổ cơ cấu và phục hồi phát triển được kinh tế tư bản chủ nghĩa. Yếu tố này thúc đẩy mạnh quá trình quốc tế hoá kinh tế thế giới, tác động mạnh đến điều chỉnh quan hệ quốc tế và lựa chọn mô hình phát triển. Nhiều quốc gia thử nghiệm và áp dụng cơ chế quản lý kinh tế mới, chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo mô hình kinh tế mở, tự do hoá thị trường và coi trọng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. “Từ những năm 80, toàn cầu hoá kinh tế đã có những bước phát triển nhảy vọt. Thực chất toàn cầu hoá kinh tế chính là toàn cầu hoá các thị trường”<sup>(2)</sup>. Bước vào thập kỷ 90 của thế kỷ XX, hầu hết các quốc gia đều đã phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường tự do. Xu hướng kinh tế quốc tế hội tụ theo hướng toàn cầu do sự phát triển mạnh của lực lượng sản xuất, đặc biệt của thành tựu khoa học - công nghệ mới trong các lĩnh vực thông tin, sinh học, năng lượng mới, vật liệu mới, công nghệ vũ trụ và công nghệ siêu bền v.v. Các tập đoàn công ty và ngân hàng xuyên quốc gia cũng phát triển nhanh mạnh hơn, ngày càng giữ vai trò chi phối tốc độ toàn cầu hoá kinh tế quốc tế.

Những tập đoàn tư bản đa quốc gia trong quá trình mở rộng không gian hoạt động thu lợi nhuận đã vươn rộng các thị trường ở các châu lục. Hợp nhất quá trình sản xuất để độc quyền tăng lợi nhuận là động cơ và mục đích mua bán sát nhập xuyên biên giới của các tập đoàn tư bản, phát triển mạng liên kết công ty đa quốc gia. Do vậy, quy mô và số lượng các công ty đa quốc gia cũng tăng mạnh. Cuối những năm 60 của thế kỷ XX, trên thế giới có 7.260 công ty xuyên quốc gia. Những năm thập kỷ 90, hệ thống các tập đoàn tư bản đa quốc gia có 63.000 công ty mẹ và khoảng 690.000 chi nhánh công ty ở nước ngoài. Theo số liệu gần đây của WTO, trên thế giới đã có 67.000 công ty mẹ và trên 700.000 công ty chi nhánh. Các công ty xuyên quốc gia đang kiểm soát 80% công nghệ mới, 40% giá trị nhập khẩu, 60% giá trị xuất khẩu và 90% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của kinh tế thế giới. Một số liệu thống kê thể hiện, 500 công ty hàng đầu trong hệ thống các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia trên thế giới có giá trị tài sản 30.515,2 tỷ USD và sử dụng 34.515, 427 lao động<sup>(3)</sup>. Trong đó, 435 công ty (chiếm 87%) thuộc các nước G7. Nhiều ý kiến phân tích đánh giá rằng hoạt động sản xuất kinh doanh quốc tế của các tập đoàn xuyên quốc gia có mặt ở hầu hết các lĩnh vực kinh tế, các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Các vụ sát nhập và mua lại xuyên biên giới của các tập đoàn đa quốc gia là động lực chi phối chủ yếu đối với FDI. Năm 1997, xu hướng này chiếm tới 59% tổng đầu tư trực tiếp nước ngoài và đã có 58 giao dịch sát nhập mua bán xuyên

biên giới giữa các công ty đa quốc gia. Giá trị trung bình của mỗi hợp đồng chuyển giao vượt trên một tỷ USD, tập trung ở các lĩnh vực dịch vụ như ngân hàng, tài chính, viễn thông, truyền thông và khoa học phục vụ cuộc sống<sup>(4)</sup>. Năm 2000, các giao dịch sát nhập tổng giá trị vào khoảng 1.500 tỷ USD. Tính chung trong thập kỷ 90, tổng giá trị các vụ sát nhập trên thế giới đã vượt con số 20.000 tỷ USD<sup>(5)</sup>. Chỉ riêng ở Mỹ, giá trị các vụ sát nhập mua lại công ty đạt 1.700 tỷ năm 2000 so với 1.600 tỷ năm 1999 và 1000 tỷ năm 1997<sup>(6)</sup>.

Hệ thống các công ty xuyên quốc gia của các tập đoàn tư bản với mạng lưới chi nhánh rộng khắp trên toàn cầu tạo thành "cấu trúc mạng", có quyền lực về kinh tế và chính trị trong đời sống quốc tế. "Quá trình sát nhập và thôn tính công ty ở cấp cao nhất - các tập đoàn xuyên quốc gia - diễn ra mạnh mẽ và tạo cho chúng những sức mạnh chi phối mới trên toàn cầu. Đây là những "nút mạng" chủ yếu trong "mạng" kinh tế toàn cầu". Sự vận động của các công ty xuyên quốc gia không chỉ là một phần lực lượng sản xuất của nền kinh tế thế giới, mà còn chi phối tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh trọng yếu của thế giới, điều chỉnh tốc độ tăng giảm vốn đầu tư trực tiếp và ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng của kinh tế toàn cầu. Theo báo cáo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ 30 nước công nghiệp phát triển thuộc OECD vào những nền kinh tế đang nổi lên trên toàn cầu đã tăng 6 lần, đạt mức kỷ lục 192 tỷ USD trong năm 2003 so với 31,7

tỷ USD của năm 2002. Lượng vốn FDI đầu tư trong nội bộ giữa các thành viên OECD những năm gần đây liên tiếp sụt giảm: năm 2000 đạt 1,3 nghìn tỷ USD; năm 2002 là 535 tỷ USD và năm 2003 giảm xuống còn 384 tỷ USD<sup>(7)</sup>. Các số liệu thống kê nêu trên phản ánh tình trạng các công ty đa quốc gia đang chuyển hướng đầu tư lớn vào những thị trường kinh tế đang nổi lên hoặc đang chuyển đổi. Trong đó có thị trường Trung Quốc là quốc gia thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nhiều nhất (53 tỷ USD năm 2003 so với mức 44 tỷ USD FDI của thị trường Mỹ). Khi tiến hành đầu tư trực tiếp ở nước ngoài, động lực của các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia là lợi nhuận. Do vậy, chính lợi nhuận là một động lực của tiến trình toàn cầu hoá. Ở một nguồn tư liệu tham khảo năm 2003 có 200 công ty xuyên quốc gia đã chiếm giữ 1/3 GDP thế giới, điều tiết 2/3 tổng lưu lượng mậu dịch quốc tế, hơn 70% bản quyền sáng chế và chuyển nhượng kỹ thuật khác, 70% đầu tư trực tiếp nước ngoài. Các số liệu minh chứng nêu trên không hoàn toàn trùng khớp bởi sự thống kê ở các nguồn tài liệu khác nhau, ở những thời điểm không cùng nhau. Nhưng các chỉ số thống kê đều phản ánh sự phát triển chi phối của các tập đoàn tư bản đa quốc gia trong xu hướng cấu hình "mạng liên kết toàn cầu".

Trong sự phát triển xu hướng toàn cầu hoá kinh tế biểu hiện ở tự do hoá kinh tế hàng hoá, tự do hoá vốn tài chính luân chuyển, tự do hoá đầu tư và dịch vụ, tăng trưởng của thương mại thế giới có tốc độ cao hơn tốc độ tăng trưởng

kinh tế. Năm 2000, thương mại thế giới tăng trưởng hơn 6,0%, gấp gần hai lần so với mức tăng trưởng chung của kinh tế toàn cầu đạt xấp xỉ 3,5%. Năm 2002, thương mại thế giới tăng trưởng 3,0% và năm 2003 đã tăng 4,5% lên 7.300 tỷ USD. Trong đó, thương mại dịch vụ tăng 13%, đạt 1.800 tỷ USD năm 2003. Dự báo của WTO, thương mại thế giới năm 2004 đạt tăng trưởng ở mức 8,5%<sup>(8)</sup>. Đồng thời, thị trường quốc tế cũng chuyển dịch mạnh theo xu hướng để tiến tới hợp nhất thị trường tự do toàn cầu.

Tự do hoá kinh tế nảy sinh khu vực hoá tự do mậu dịch và đầu tư; đặc biệt là thương mại hàng hoá phi thuế quan và thị trường chứng khoán, vốn đầu tư v.v. là những dòng luân chuyển tự do nhanh mạnh. Theo thống kê xác nhận của Tổ chức Thương mại Thế giới đến cuối năm 2002, đã có 250 Hiệp định mậu dịch tự do khu vực. Điểm nổi bật đến năm 2002, trong số 250 FTA được ký kết nêu trên, có 168 Hiệp định đang được các đối tác thực hiện, bao gồm 125 hiệp định thực hiện từ trước khi WTO ra đời; 125 hiệp định (chiếm 50% tổng số FTA) được ký kết trong thời gian 1995 - 2002. Tổng lưu chuyển thương mại hàng hoá thế giới từ các khu thương mại tự do chiếm 43% lưu chuyển thương mại hàng hoá toàn cầu năm 2001<sup>(9)</sup>. Số liệu nêu trên cho thấy, trong xu thế phát triển hội nhập kinh tế toàn cầu hoá, giữa các chủ thể quan hệ kinh tế quốc tế có năng lực và lợi ích không đồng nhất; Trong môi trường cạnh tranh gay gắt, tự do thương mại song phương giữa các đối tác quốc gia và khu

vực nhiều quy mô là một xu hướng đang có biểu hiện tăng mạnh, trái ngược với xu hướng hội tụ tiến tới thống nhất thị trường thế giới bởi quá trình tự do hoá thương mại toàn cầu và diễn tiến toàn cầu hoá kinh tế quốc tế. Đó là một hệ quả của những thách thức tác động do những biến thái của tốc độ toàn cầu hoá và sự khác biệt giữa các quốc gia trong quá trình để có được một thị trường chung.

Bên cạnh xu thế phát triển toàn cầu hoá kinh tế với biểu hiện nổi bật như hàng hoá có lưu chuyển nhanh và tăng tỷ trọng theo hướng thị trường liên kết khu vực và toàn cầu, lưu lượng vốn tài chính quốc tế trong những thập kỷ gần đây cũng luân chuyển mạnh mẽ hơn theo xu thế toàn cầu hoá. Tự do hoá tài chính tiền tệ khiến thị trường tiền tệ thế giới phát triển năng động, gây ảnh hưởng phát triển không lành mạnh các nền kinh tế dựa nhiều vào nguồn lực vốn bên ngoài. Các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia điều tiết hoạt động vốn đầu tư và lĩnh vực ngành nghề sản xuất là một nguyên nhân làm bất ổn về tài chính - tiền tệ, gây khủng hoảng kinh tế ở nhiều nơi. Khủng hoảng tài chính - kinh tế tại Châu Á, chủ yếu xảy ra ở các nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa trong Đông Nam Á và Đông Bắc Á năm 1997 - 1998 là một minh chứng cụ thể gần đây.

Sự phát triển của khoa học và công nghệ, đặc biệt trong công nghệ thông tin - kỹ thuật số, công nghệ sinh học là một biểu hiện và động lực thúc đẩy quá trình toàn cầu hoá. Ngay từ những năm

cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX, cách mạng khoa học - kỹ thuật đã có những bước phát triển mới mang tính quốc tế hoá cao. Trong thành quả của cách mạng khoa học và công nghệ ở nhiều lĩnh vực, công nghệ thông tin đem đến kỷ nguyên mới kết nối các nền kinh tế, các quốc gia, các cá nhân con người vào "cấu trúc mạng", tạo ra những bước tiến về chất và lượng trong đời sống xã hội con người, đặc biệt ở hoạt động kinh tế và thông tin văn hoá. Khoa học và công nghệ cao đã tác động trở lại thúc đẩy xu thế phát triển toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế; thúc đẩy xu thế phát triển kinh tế có hàm lượng tri thức cao, xã hội hoá tri thức. Thực tế này, trước hết và không chỉ ở các nước phát triển như Mỹ, Canada, các thành viên EU cũ, Nhật Bản, Ôxtrâyliya v.v. Trong các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), hàm lượng kinh tế tri thức chiếm hơn 50% tổng sản phẩm quốc nội; khoảng 60 - 70% lực lượng lao động những nước này là công nhân trí thức. Ở những nước công nghiệp phát triển cao, cơ cấu kinh tế ngành cũng thay đổi theo hướng kinh tế tri thức và dịch vụ hoá xã hội. Kinh tế dịch vụ chiếm tỷ trọng 60 - 80% tổng giá trị GDP hàng năm. Ngành công nghiệp dựa trên tri thức chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong GDP ở nhiều nước như Xingapo (57,3%), Mỹ (55,33%), Nhật Bản (53,0%), Canada (51,0%) v.v...<sup>(10)</sup>. Cho đến nay, các chỉ số nêu trên về phát triển kinh tế tri thức chắc chắn còn tăng cao hơn nhiều. Trước sự phát triển của

khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, hiện nay các nước đang phát triển tăng cường hợp tác phát triển khoa học công nghệ. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) tổ chức Hội nghị cấp Bộ trưởng lần thứ 4 về công nghệ thông tin tại Băng Cốc - Thái Lan (8-2004), xoay quanh chủ đề “xây dựng văn hoá tin học tiến tới xã hội tri thức”. Ở Xingapo, công nghiệp sinh học là một mũi nhọn trong chiến lược phát triển. Năm 2003, sản lượng ngành công nghiệp y sinh tại Xingapo đạt giá trị 6,6 tỷ USD; dự kiến đến năm 2010 sẽ nâng sản lượng y sinh lên 20 tỷ đô la Xingapo<sup>(11)</sup>. Đây là một biểu hiện tác động phát triển của toàn cầu hoá và là thích ứng của nhiều quốc gia nắm bắt cơ hội để phát triển.

Triển vọng, “theo nhận định của các chuyên gia, khoa học và công nghệ đang và sẽ tiếp tục phát triển với tốc độ cao. Nếu 30 năm gần đây, khối lượng kiến thức khoa học và công nghệ mà loài người thu được ngang bằng với 2 thiên niên kỷ trước đó, thì đến năm 2020, lượng kiến thức khoa học và công nghệ sẽ tăng gấp ba bốn lần so với hiện nay”<sup>(12)</sup>.

\*

Toàn cầu hoá kinh tế quốc tế là một xu thế đang diễn tiến phức tạp, cuốn hút các nền kinh tế và nhiều quốc gia, tác động đến gần hết mọi lĩnh vực, với những hệ quả vừa là cơ hội hợp tác và phát triển; đồng thời chứa đựng nhiều thách thức nguy cơ đối với sự phát triển và hợp tác.

## CHÚ THÍCH

1. Chương trình phát triển của Liên hợp quốc: Báo cáo phát triển con người 1999, NXB CTQG, Hà Nội, 2000, tr.27.
2. Toàn cầu hoá và ảnh hưởng đối với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương: Các khía cạnh kinh tế, xã hội và văn hoá, tài liệu đã dẫn, tr.24.
3. Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới, số 4 - 2003, tr.12.
4. Chương trình phát triển của Liên hiệp quốc; Báo cáo phát triển con người năm 1999, tài liệu đã dẫn tr.28.
5. Vụ hợp tác kinh tế đa phương: Việt Nam hội nhập trong xu thế toàn cầu hoá..., sđd, tr.173.
6. Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, số 4 (45), 8/2003, tr.39.
7. Dẫn từ tài liệu “Tin kinh tế tham khảo” của TTX Việt Nam, 03-07-2004.
8. Thời báo kinh tế Việt Nam, số 181, tr.14.
9. Tài liệu tham khảo của Thông tấn xã Việt Nam “Tin tham khảo chủ nhật” ngày 28.9.2003 và “Kinh tế quốc tế tham khảo” số 005/TTX, ngày 30-1-2005.
10. Viện Kinh tế Thế giới: An ninh kinh tế ASEAN và vai trò của Nhật Bản. Nhiều tác giả, NXBCTQG, H, 2001, tr.15.
11. Thông tấn xã Việt Nam: Tin kinh tế tham khảo, 3.7.2004, tr.10.
12. Nhiều tác giả: “Khu vực mậu dịch tự do ASEAN và Doanh nghiệp Việt Nam”, NXBCTQG, H, 2001, tr.61.